



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý IV năm 2015

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	7 - 45



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015


Đơn vị: VNĐ


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.453.362.336	5.241.413.414
110	I. Tiền		238.067.920	601.272.163
111	1. Tiền	4	238.067.920	601.272.163
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.926.125.803	4.233.468.729
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	525.822.616	376.927.071
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	162.297.212	151.781.582
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4.652.017.152	2.605.187.503
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.586.466.341	1.099.606.779
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(477.518)	(34.206)
140	III. Hàng tồn kho		206.105.785	309.065.841
141	1. Hàng tồn kho	9	206.105.785	309.065.841
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		83.062.828	97.606.681
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		383.900	4.653.327
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		482.940	11.170.114
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	10	82.195.988	81.783.240
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.235.507.835	17.908.941.293
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.373.822.112	8.191.042.904
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	8.066.041.332	7.971.021.244
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	307.780.780	220.021.660
220	II. Tài sản cố định		247.646.503	432.076.145
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	233.660.774	379.235.897
222	Nguyên giá		321.148.576	489.532.279
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(87.487.802)	(110.296.382)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	13.985.729	52.840.248
228	Nguyên giá		20.371.973	57.360.406
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.386.244)	(4.520.158)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	78.228.682	95.434.635
231	1. Nguyên giá		79.478.780	96.184.694
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.250.098)	(750.059)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		47.619.968	78.727.897
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	47.619.968	78.727.897
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		11.474.502.144	9.095.874.286
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	11.437.505.856	8.824.915.498
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	5.000.000	238.962.500
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3	31.996.288	31.996.288
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.688.426	15.785.426
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	13.688.426	15.785.426
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.688.870.171	23.150.354.707

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015


Đơn vị: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.411.872.628	11.434.968.546
310	I. Nợ ngắn hạn		6.864.394.838	5.846.110.498
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	146.395.966	65.146.222
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	1.354.460.333	891.109.572
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	115.494.001	19.230.207
314	4. Phải trả người lao động	19	9.279.003	9.614.077
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	303.717.629	251.851.172
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	280.095.046	944.557.436
320	7. Vay ngắn hạn	22	4.648.395.375	3.611.437.595
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.557.485	53.164.217
330	II. Nợ dài hạn		8.547.477.790	5.588.858.048
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	1.385.096
338	2. Vay dài hạn	22	8.535.729.664	5.580.874.703
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		5.642.287	-
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		6.105.839	6.598.249
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.276.997.543	11.715.386.161
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	12.276.997.543	11.715.386.161
411	1. Vốn cổ phần		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		283.687.477	249.756.283
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		555.238.452	27.558.264
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		27.381.864	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		527.856.588	27.558.264
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.688.870.171	23.150.354.707


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Quý IV năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	588.798.473	314.342.827	2.466.948.513	1.123.775.378
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	(48.791)	(35.528)	(952.791)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	588.798.473	314.294.036	2.466.912.985	1.122.822.587
11	4. Giá vốn hàng bán	25	(434.755.271)	(224.497.213)	(1.642.084.925)	(833.424.952)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		154.043.202	89.796.823	824.828.060	289.397.635
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	279.248.022	286.377.751	1.134.069.700	1.134.865.695
22	7. Chi phí tài chính	26	(340.096.825)	(306.197.394)	(1.221.459.178)	(1.009.119.915)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(332.284.254)	(311.541.353)	(1.210.767.618)	(1.007.751.179)
25	8. Chi phí bán hàng		(7.468.529)	(11.836.387)	(42.097.040)	(55.057.110)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(28.254.493)	(32.370.145)	(105.813.041)	(103.194.723)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		57.471.377	25.770.648	589.528.501	256.891.582
31	11. Thu nhập khác	27	565.199	178.602	161.091.821	2.939.677
32	12. Chi phí khác	27	(14.337.945)	(2.192.231)	(18.934.993)	(4.352.374)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	27	(13.772.746)	(2.013.629)	142.156.828	(1.412.697)



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

Ngân VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.698.631	23.757.019	731.685.329	255.478.885
51	15. Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hiện hành	28	1.713.420	(5.221.540)	(143.335.544)	(33.356.421)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(5.642.287)	-	(5.642.287)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		39.769.764	18.535.479	582.707.498	222.122.464



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 11 tháng 3 năm 2016



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
Quý IV năm 2015

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		731.685.329	255.478.885
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	11,12,13	20.078.307	25.676.513
03	Các khoản dự phòng		443.312	34.206
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		(25.716.602)	(5.992.355)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.356.722.857)	(1.124.976.425)
06	Chi phí lãi vay	26	1.210.767.618	1.007.751.179
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		580.535.107	157.972.003
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		5.377.425	(911.476)
10	Giảm hàng tồn kho		102.960.056	121.403.965
11	Tăng các khoản phải trả		322.723.593	333.448.433
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		6.366.427	(25.849.219)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.245.427.009)	(900.163.643)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28	(95.621.975)	(51.001.297)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.312.710)	(20.840.103)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(333.399.086)	(385.941.337)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(121.243.941)	(23.621.977)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		754.999.309	86.972.968
23	Tiền chi cho vay		(10.378.310.748)	(5.948.054.069)
24	Tiền thu hồi cho vay		7.137.566.735	2.853.905.100
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(2.571.757.059)	(482.532.613)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		863.128.933	220.909.454
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		469.795.590	604.188.834
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.845.821.181)	(2.688.232.303)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		8.236.772.028	8.215.133.033
34	Tiền trả nợ gốc vay		(4.420.756.004)	(6.087.122.201)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.816.016.024	2.128.010.832
50	Giảm tiền thuần trong năm		(363.204.243)	(946.162.808)
60	Tiền đầu năm	4	601.272.163	1.547.434.971
70	Tiền cuối năm	4	238.067.920	601.272.163

Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Quý IV năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi bảy (27) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, phân bón; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; trồng và kinh doanh cao su, hồ tiêu và các loại cây trồng khác; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp quý IV năm 2015 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại số liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính tổng hợp kỳ này như đã nêu tại *Thuyết minh số 30*.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cây cao su và vườn cây hồ tiêu của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Vườn cây cao su và hồ tiêu

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.10 Thuế tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán năm theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

17
 VG
 PH
 H
 G
 LE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

01/11/2015 13:41:00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.20 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3.21 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền gửi ngân hàng	236.037.901	598.599.684
Tiền mặt tại quỹ	2.030.019	2.663.448
Tiền đang chuyển	-	9.031
TỔNG CỘNG	238.067.920	601.272.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu từ bán các khoản đầu tư	177.074.164	160.107.600
Phải thu hợp đồng xây dựng	152.633.526	56.702.357
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	126.224.071	81.833.334
Phải thu từ bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	52.395.639	48.671.742
Phải thu tiền bán căn hộ	17.495.216	29.612.038
TỔNG CỘNG	525.822.616	376.927.071

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 340.371.690 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (*Thuyết minh số 29*).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	162.297.212	151.781.582
TỔNG CỘNG	162.297.212	151.781.582

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 103.063.338 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (*Thuyết minh số 29*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

7. PHẢI THU VÉ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	4.652.017.152	2.242.485.588
Trong đó:		
Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	2.860.085.936	-
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan khác	1.724.070.236	1.910.235.588
Cho vay ngắn hạn công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	67.860.980	332.250.000
Phải thu cho vay ngắn hạn các công ty khác	-	129.980.016
Phải thu cho vay ngắn hạn nhân viên	-	205.232.911
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Làng vận động viên SEA Games	-	27.488.988
	4.652.017.152	2.605.187.503
Dài hạn		
Phải thu cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	7.069.834.227	6.578.056.889
Trong đó:		
Cho vay dài hạn các bên liên quan khác	5.045.034.227	2.270.870.953
Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	1.383.700.000	500.000.000
Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	641.100.000	3.807.185.936
Phải thu cho vay dài hạn các công ty, cá nhân khác (ii)	826.898.260	924.869.736
Phải thu cho vay dài hạn nhân viên	1.328.500	-
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	167.980.345	468.094.619
	8.066.041.332	7.971.021.244
TỔNG CỘNG	12.718.058.484	10.576.208.747

- (i) Đây là các khoản cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 ("Hợp đồng 1") và hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng 2"), chi tiết như sau:

Hợp đồng 1 được bảo đảm bởi Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 1 tháng 10 năm 2013) và có lãi suất trong kỳ là 9,5%/năm (2014: 13%/năm). Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL-AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng 2 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ VNĐ và có lãi suất trong kỳ là 9,5%/năm (2014: 13%/năm).

- (ii) Cho vay dài hạn các công ty khác thể hiện khoản cho vay dài hạn tín chấp các công ty và cá nhân khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình là 11,44%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngân VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.485.651.688	933.336.160
Lãi cho vay các công ty, cá nhân khác	76.811.316	72.860.574
Phải thu nhân viên	2.555.404	13.083.834
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	188.889	316.265
Ký quỹ ngắn hạn	-	50.120
Phải thu hợp đồng ủy thác	-	68.932.500
Các khoản khác	21.259.044	11.027.326
	1.586.466.341	1.099.606.779
Dài hạn		
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") (i)	307.266.100	219.554.100
Ký quỹ, ký cược dài hạn	514.680	467.560
	307.780.780	220.021.660
TỔNG CỘNG	1.894.247.121	1.319.628.439

(i) Thể hiện khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mia để đầu tư vào Dự án trồng 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-ADM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Theo đó, Công ty sẽ góp 88% tổng vốn đầu tư Dự án. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 dự án vẫn đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	107.646.457	206.774.904
Hàng hóa	52.386.135	17.740.810
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.080.297	55.012.072
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	23.346.177	41.376.750
<i>Hoạt động sản xuất</i>	10.529.097	13.599.322
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	205.023	36.000
Thành phẩm	7.771.786	12.617.847
Vật liệu xây dựng	3.885.058	7.285.010
Nguyên vật liệu	276.675	9.024.930
Công cụ, dụng cụ	59.377	610.268
TỔNG CỘNG	206.105.785	309.065.841

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

772
 HUY
 TÀI
 A
 LA
 T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	387.771.139	61.184.757	28.147.999	4.057.151	6.689.440	1.681.793	489.532.279
Mua sắm mới	-	1.688.319	14.484.162	529.012	-	-	16.701.493
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.007.878	-	-	-	-	-	1.007.878
Thanh lý trong năm	(149.982.223)	(19.906.112)	(13.353.063)	(1.277.943)	-	(1.573.733)	(186.093.074)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	238.796.794	42.966.964	29.279.098	3.308.220	6.689.440	108.060	321.148.576
Giá trị hao mòn lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(61.445.897)	(25.721.261)	(15.529.487)	(2.664.536)	(3.811.740)	(1.123.461)	(110.296.382)
Khấu hao trong năm	(8.106.141)	(4.658.073)	(3.538.019)	(432.705)	(959.233)	(18.011)	(17.712.182)
Thanh lý trong năm	25.099.815	11.292.295	1.968.080	1.041.615	-	1.118.957	40.520.762
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(44.452.223)	(19.087.039)	(17.099.426)	(2.055.626)	(4.770.973)	(22.515)	(87.487.802)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	326.325.242	35.463.496	12.618.512	1.392.615	2.877.700	558.332	379.235.897
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	194.344.571	23.879.925	12.179.672	1.252.594	1.918.467	85.545	233.660.774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.188.433	15.171.973	57.360.406
Thanh lý trong năm	(36.988.433)	-	(36.988.433)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>5.200.000</u>	<u>15.171.973</u>	<u>20.371.973</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	(4.520.158)	(4.520.158)
Khấu hao trong năm	-	(1.866.086)	(1.866.086)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	<u>(6.386.244)</u>	<u>(6.386.244)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>42.188.433</u>	<u>10.651.815</u>	<u>52.840.248</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>5.200.000</u>	<u>8.785.729</u>	<u>13.985.729</u>

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	81.183.514	15.001.180	96.184.694
Tăng trong năm	64.477.600	-	64.477.600
Thanh lý trong năm	(81.183.514)	-	(81.183.514)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>64.477.600</u>	<u>15.001.180</u>	<u>79.478.780</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	(750.059)	(750.059)
Khấu hao trong năm	-	(500.039)	(500.039)
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	<u>(1.250.098)</u>	<u>(1.250.098)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>81.183.514</u>	<u>14.251.121</u>	<u>95.434.635</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>64.477.600</u>	<u>13.751.082</u>	<u>78.228.682</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25.146.361	25.076.580
Chi phí trồng cây cao su	22.072.022	22.072.023
Chi phí trồng vườn tiêu	-	31.579.294
Khác	401.585	-
TỔNG CỘNG	<u>47.619.968</u>	<u>78.727.897</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Các Tổng Công ty con quản lý ngành						
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò	Đang hoạt động	79,52	5.443.421.358	92,13	3.830.831.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	85,75	3.253.537.647	85,75	3.253.537.647
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	95,58	2.532.179.575	92,81	1.532.179.575
Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	99.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) (i)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane (i)	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	100,00	17.778.990
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,50	977.486	94,50	977.486
TỔNG CỘNG				11.437.505.856		8.824.915.498

(i) Trước hoạt động thể hiện các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	-	-	-	1.185.000	42,55	11.850.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (*)	Chăn nuôi	-	-	-	3.892.950	45,00	38.929.500
Công ty Cổ phần An Đông Mía (**)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	-	-	-	6.000.000	30,00	183.183.000
TỔNG CỘNG				5.000.000			238.962.500

(*) Vào ngày 26 tháng 4 năm 2015, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên đã trở thành công ty con của Công ty.

(**) Vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, Công ty Cổ phần An Đông Mía đã trở thành công ty con của Công ty.

黄安嘉利

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	24.636.248	24.636.248
Công ty Cổ phần Truyền Thông Thanh Niên	6.200.000	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng Không Viễn Đông	1.160.040	1.160.040
TỔNG CỘNG	31.996.288	31.996.288

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền thuê đất trả trước	9.966.210	10.237.634
Chi phí bán căn hộ	2.876.698	2.109.947
Công cụ, dụng cụ	827.852	2.615.745
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.666	822.100
TỔNG CỘNG	13.688.426	15.785.426

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	68.671.857	63.496.149
Phải trả tiền mua sắm máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	76.724.109	-
Phải trả nhà thầu xây dựng	-	610.000
Các khoản khác	1.000.000	1.040.073
TỔNG CỘNG	146.395.966	65.146.222

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 102.408.673 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Thuyết minh số 29).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Khách hàng thương mại trả tiền trước	732.239.044	626.208.242
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	595.984.283	239.839.533
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	26.237.006	25.061.797
TỔNG CỘNG	1.354.460.333	891.109.572

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 1.318.196.745 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Thuyết minh số 29).

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28)	65.160.653	17.447.084
Thuế giá trị gia tăng	19.285.372	689.451
Thuế thu nhập cá nhân	173.321	1.088.733
Các khoản phải nộp khác	30.874.655	4.939
TỔNG CỘNG	115.494.001	19.230.207

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí lãi vay	300.833.079	243.637.312
Chi phí hoạt động	2.884.550	8.213.860
TỔNG CỘNG	303.717.629	251.851.172

21. PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	195.906.801	849.110.839
Các khoản khác	84.188.245	95.446.597
TỔNG CỘNG	280.095.046	944.557.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

22. VAY

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	1.350.000.000	850.000.000
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay ngân hàng	1.052.926.625	477.143.203
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	15.468.750	54.294.392
	<u>4.648.395.375</u>	<u>3.611.437.595</u>
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước	8.518.854.664	5.548.579.830
Vay ngân hàng	16.875.000	32.294.873
	<u>8.535.729.664</u>	<u>5.580.874.703</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.184.125.039</u>	<u>9.192.312.298</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính chưa phân phối	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
Năm 2014							Ngàn VND
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	-	8.622.737	230.027.423	551.721.939	11.516.357.813
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	222.122.464	222.122.464
Thu hồi cổ phiếu ESOP làm có phiếu quỹ	-	-	(686.640)	-	-	-	(686.640)
Chia có tức bằng cổ phiếu (*)	718.132.540	-	-	-	-	(718.132.540)	-
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ của chi phí phát hành cổ phiếu	-	(5.360.000)	-	-	-	-	(5.360.000)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ phúc lợi	-	-	-	-	11.106.123	(17.769.797)	(6.663.674)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	-	(10.383.802)	(10.383.802)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	8.622.737	241.133.546	27.558.264	11.715.386.161

(*) Vào ngày 13 tháng 8 năm 2014, Công ty đã công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014 ngày 18 tháng 4 năm 2014. Theo đó, Công ty phát hành thêm cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu nhận được 1 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 71.813.254 cổ phiếu được phát hành thêm. Nguồn chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng cổ phiếu được chốt vào ngày 29 tháng 8 năm 2014. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận tăng vốn cổ phần là 718.132.540 ngàn VND và ghi giảm lợi nhuận chưa phân phối tương ứng. Vào ngày 19 tháng 9 năm 2014, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 24 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 7.899.679.470 ngàn VND.

LEI
G
PH
NG
377

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2015						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	249.756.283	27.558.264	11.715.386.161
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	582.707.498	582.707.498
Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ phúc lợi	-	-	-	33.931.194	(54.289.910)	(20.358.716)
Thủ lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(737.400)	(737.400)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	283.687.477	555.238.452	12.276.997.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.899.283	789.899.283

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

	Quý IV			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngàn VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước		
24. DOANH THU						
24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Doanh thu góp	588.798.473	314.342.827	2.466.948.513	1.123.775.378		
<i>Trong đó:</i>						
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	362.862.085	109.328.359	1.050.181.719	493.533.980		
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	193.059.253	146.527.987	1.032.868.311	360.150.716		
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	-	214.941.818	-		
<i>Doanh thu căn hộ</i>	24.177.639	38.205.270	125.986.518	193.518.896		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	8.699.496	20.281.211	42.970.147	76.571.786		
Các khoản giảm trừ	-	(48.791)	(35.528)	(952.791)		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	<i>(48.791)</i>	<i>(35.528)</i>	<i>(952.791)</i>		
Doanh thu thuần	588.798.473	314.294.036	2.466.912.985	1.122.822.587		
<i>Trong đó:</i>						
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	362.862.085	109.279.569	1.050.146.191	492.581.190		
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	193.059.253	146.527.987	1.032.868.311	360.150.716		
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	-	214.941.818	-		
<i>Doanh thu căn hộ</i>	24.177.639	38.205.270	125.986.518	193.518.896		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	8.699.496	20.281.210	42.970.147	76.571.785		

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngân VNĐ
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Lãi cho vay	276.645.719	267.341.725	1.074.307.312	945.149.614	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	875.242	1.187.278	36.838.475	9.909.915	
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.031.495	7.373.730	15.741.380	45.341.366	
Thu nhập từ các khoản đầu tư	(304.434)	10.475.018	6.522.567	17.977.161	
Có tức nhận được	-	-	659.966	116.487.639	
TỔNG CỘNG	279.248.022	286.377.751	1.134.069.700	1.134.865.695	

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngân VNĐ
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Giá sản phẩm, hàng hóa	296.456.649	79.484.568	897.506.770	374.305.534	
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	96.769.748	100.642.582	516.841.320	244.029.940	
Giá vốn bất động sản đầu tư	17.912.025	-	99.095.539	-	
Giá vốn căn hộ	18.774.514	30.212.012	99.130.719	153.277.872	
Giá vốn dịch vụ cung cấp	4.842.335	14.158.051	29.510.577	61.811.606	
TỔNG CỘNG	434.755.271	224.497.213	1.642.084.925	833.424.952	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý IV			Ngàn VNĐ	
	Năm nay		Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Chi phí lãi vay	332.284.254	311.541.353	1.210.767.618	1.007.751.179	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.812.571	(5.436.257)	10.685.063	1.177.864	
Các khoản khác	-	92.298	6.497	190.672	
TỔNG CỘNG	340.096.825	306.197.394	1.221.459.178	1.009.119.915	

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý IV			Ngàn VNĐ	
	Năm nay		Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Thu nhập khác	565.199	178.602	161.091.821	2.939.677	
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	20.645	155.925.997	20.645	
Các khoản khác	565.199	157.957	5.165.824	2.919.032	
Chi phí khác	(14.337.945)	(2.192.231)	(18.934.993)	(4.352.374)	
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(12.280.645)	731.080	(12.280.645)	-	
Tiền phạt chậm nộp thuế	(1.383.815)	(2.148.684)	(1.384.815)	(2.379.124)	
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(239.808)	(239.808)	(959.232)	(959.234)	
Các khoản khác	(433.677)	(534.819)	(4.310.301)	(1.014.016)	
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(13.772.746)	(2.013.629)	142.156.828	(1.412.697)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm 2015</i>	<i>Năm 2014</i>
Thuế TNDN hiện hành	143.335.544	33.356.421
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>5.642.287</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>148.977.831</u>	<u>33.356.421</u>

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm 2015</i>	<i>Năm 2014</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	731.685.329	255.478.885
Các khoản chi phí không được khấu trừ	13.616.803	16.502.664
Các khoản phạt	1.396.814	2.489.381
Thu nhập cổ tức	(659.966)	(116.487.639)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(28.688.952)	(6.363.197)
Các khoản khác	<u>(58.370.273)</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	<u>658.979.755</u>	<u>151.620.094</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	144.975.546	33.356.421
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	<u>(1.640.002)</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	143.335.544	33.356.421
Thuế TNDN phải trả đầu năm	17.447.084	35.091.960
Thuế TNDN đã trả trong năm	<u>(95.621.975)</u>	<u>(51.001.297)</u>
Thuế TNDN phải trả cuối năm	<u>65.160.653</u>	<u>17.447.084</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Doanh thu	536.737.731
		hợp đồng xây dựng	
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	226.040.578
		Lãi cho vay	131.594.105
		Mua hàng hóa	94.129.349
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	376.802.019
		Mua hàng hóa và dịch vụ	34.168.463
		Doanh thu	572.040
		hợp đồng xây dựng	
		Chi phí khác	42.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	340.525.063
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Doanh thu	211.206.925
		hợp đồng xây dựng	
		Doanh thu bán hàng hóa	27.639.830
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	23.030.096
		Doanh thu bán tài sản cố định	394.048
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	137.850.263
		Doanh thu	40.983.413
		hợp đồng xây dựng	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	117.170.467
		Mua hàng hóa, dịch vụ	875.390
		Thu chuyển nhượng cổ phần	537.515
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	183.330
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.618
		Chi phí khác	184.550
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	86.814.365
		Doanh thu bán hàng hóa	53.135.287
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.608.710
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu	54.787.142
		hợp đồng xây dựng	
		Doanh thu bán hàng hóa	46.078.923
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	97.548.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Mua tài sản cố định	86.481.346
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	30.409.653
		Doanh thu bán hàng hóa	2.014.016
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	252.504
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	62.367.432
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	41.619.826
		Mua hàng hóa	15.532.586
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	348.077
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	40.915.757
		Thu chuyển nhượng cổ phần	2.199.578
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	34.480
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	35.169.423
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	19.726.827
		Chi phí quảng cáo	13.000.000
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.570.223
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	226.467
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	28.743.750
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	12.379.333
		Doanh thu bán hàng hóa	5.411.674
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	890.513
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	14.548.178
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	5.677.778
		Thu chuyển nhượng cổ phần	4.614.974
		Mua dịch vụ	1.882.215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	6.514.257
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	4.087.500
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Lãi cho vay	2.492.768
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	4.305.612

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần	162.074.164
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	31.234.877
		Phải thu cung cấp dịch vụ	18.026
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu hợp đồng xây dựng	24.059.702
		Phải thu cung cấp dịch vụ	379.629
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.857.769
		Phải thu hợp đồng xây dựng	709.706
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	27.106.725
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	24.796.770
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	22.859.000
		Phải thu hợp đồng xây dựng	721.000
Công ty TNHH Nông nghiệp Daun Penh	Công ty con	Bán hàng hóa	6.532.534
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	5.854.647
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	2.691.319
		Bán hàng hóa	1.902.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngân VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)			
Công ty TNHH Hoàng Anh Lum Phát	Công ty con	Bán hàng hóa	966.472
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	<u>606.728</u>
TỔNG CỘNG			<u>340.371.690</u>
Các khoản trả trước ngắn hạn cho người bán			
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước mua hàng hoá	99.063.338
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Ứng trước mua hàng hoá	<u>4.000.000</u>
TỔNG CỘNG			<u>103.063.338</u>
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	2.860.085.936
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	681.254.662
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	350.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	192.815.574
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	<u>67.860.980</u>
TỔNG CỘNG			<u>4.652.017.152</u>
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	1.383.700.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	1.030.376.353
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	853.638.500
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	809.401.438
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Phải thu cho vay dài hạn	697.320.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	641.100.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	600.000.000
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	295.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	221.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	205.817.797
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	84.414.912
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	54.140.387
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	49.672.286
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	40.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	24.682.417
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	18.799.988
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	15.562.764
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	14.651.979
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	10.527.317
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	10.478.216
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	7.454.925
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	1.587.741
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	507.207
TỔNG CỘNG			<u>7.069.834.227</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	551.031.737
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	219.889.219
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	118.351.040
		Chi phí trả hộ	1.658.574
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	119.689.030
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	113.229.375
		Chi phí trả hộ	2.440.389
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	98.081.998
		Chi phí trả hộ	292.289
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	61.296.637
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	54.759.771
		Chi phí trả hộ	1.457.388
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	33.198.400
		Khác	84.138
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	22.144.060
		Khác	29.400
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	19.726.827
		Chi phí trả hộ	2.393.037
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Phải thu tiền lãi vay	14.548.178
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Bên liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	11.560.694
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	6.718.213
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	5.677.778
		Chi phí trả hộ	459.949
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Chi phí trả hộ	4.655.413
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	4.087.500
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	2.492.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)			
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng cho nhân viên	1.600.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	622.820
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc	Tạm ứng cho nhân viên	570.125
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	280.882
TỔNG CỘNG			<u>1.485.651.688</u>
Các khoản phải thu dài hạn khác			
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	<u>307.266.100</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Phải trả phát triển vườn cây	60.549.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải trả phát triển vườn cây	12.190.710
		Mua hàng hóa và dịch vụ	9.136.427
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.169.310
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	9.108.189
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	808.520
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	772.802
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	673.715
TỔNG CỘNG			<u>102.408.673</u>
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Ứng trước hợp đồng xây dựng	308.227.665
		Ứng trước tiền mua hàng hóa	42.057.022
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Ứng trước hợp đồng xây dựng	251.804.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn (tiếp theo)			
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	160.974.005
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	144.818.384
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	140.157.988
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	98.159.761
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	81.461.947
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước hợp đồng xây dựng	35.952.110
Công ty TNHH Hoàng Anh Lum Phát	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	35.619.991
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	15.289.560
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	2.647.413
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	1.026.391
TỔNG CỘNG			<u>1.318.196.745</u>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Bên liên quan	Cho mượn tạm	123.120.360
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	22.769.750
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	13.320.600
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Chi hộ	11.786.059
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	6.051.722
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Chi hộ	3.323.700
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.183.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác (tiếp theo)			
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Chi hộ	2.402.766
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	2.065.085
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Chi hộ	1.825.937
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	1.011.164
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.237.853
TỔNG CỘNG			<u>195.906.801</u>

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2014 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán tổng hợp

	Ngàn VNĐ		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.383.017.379	(1.141.603.965)	5.241.413.414
Đầu tư ngắn hạn	81.783.240	(81.783.240)	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	216.819.471	160.107.600	376.927.071
Trả trước cho người bán ngắn hạn	220.714.082	(68.932.500)	151.781.582
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.605.187.503	2.605.187.503
Phải thu ngắn hạn khác	4.921.139.268	(3.821.532.489)	1.099.606.779
Tài sản ngắn hạn khác	16.434.079	65.349.161	81.783.240
TÀI SẢN DÀI HẠN	16.805.621.866	1.103.319.427	17.908.941.293
Phải thu về cho vay dài hạn	-	7.971.021.244	7.971.021.244
Phải thu dài hạn khác	6.333.833.672	(6.113.812.012)	220.021.660
Nguyên giá – Bất động sản đầu tư	15.001.180	81.183.514	96.184.694
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	828.317.509	(796.321.221)	31.996.288
Chi phí trả trước dài hạn	54.069.964	(38.284.538)	15.785.426
Tài sản dài hạn khác	467.560	(467.560)	-
NỢ PHẢI TRẢ	11.473.253.084	(38.284.538)	11.434.968.546
Phải trả dài hạn khác	7.983.345	(6.598.249)	1.385.096
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.619.159.241	(38.284.538)	5.580.874.703
Dự phòng phải trả dài hạn	-	6.598.249	6.598.249



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2015

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Bảng cân đối kết toán tổng hợp (tiếp theo)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)		Trình bày lại Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)	
			Ngàn VNĐ	
VỐN CHỦ SỞ HỮU	11.715.386.161	-	11.715.386.161	
Quỹ đầu tư phát triển	8.622.737	241.133.546	249.756.283	
Quỹ dự phòng tài chính	241.133.546	(241.133.546)	-	

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

	Năm 2014 (đã được trình bày trước đây)		Trình bày lại Năm 2014 (được trình bày lại)	
			Ngàn VNĐ	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.124.061.774	(286.396)	1.123.775.378	
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.239.187)	286.396	(952.791)	
Chi phí hoạt động tài chính - Chi phí lãi vay	(992.467.281)	(15.283.898)	(1.007.751.179)	
Thu nhập khác	17.586.046	(14.646.369)	2.939.677	
Chi phí khác	(18.998.743)	14.646.369	(4.352.374)	

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

	Năm 2014 (đã được trình bày trước đây)		Trình bày lại Năm 2014 (được trình bày lại)	
			Ngàn VNĐ	
Chi phí lãi vay	992.467.281	15.283.898	1.007.751.179	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	142.688.105	15.283.898	157.972.003	
Tăng chi phí trả trước	(10.565.321)	(15.283.898)	(25.849.219)	

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2016, Công ty đã chuyển quyền sở hữu phần vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCNCP ngày 2 tháng 1 năm 2016 với giá trị chuyển nhượng là 10 tỷ VNĐ. Theo đó, Công ty không còn sở hữu vốn góp trong Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai vào ngày 2 tháng 1 năm 2016.

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("HAGL Agrico"), là công ty con của Công ty, đã hoàn thành việc phát hành 59.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các nhà đầu tư riêng lẻ với giá phát hành 28.000 VNĐ/ cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0610/15/NQHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 6 tháng 10 năm 2015, Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 3010/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 10 năm 2015 và số 3012/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 12 năm 2015. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của HAGL Agrico tăng từ 7.081.438.950 ngàn VNĐ lên 7.671.438.950 ngàn VNĐ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2015

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)

Cùng ngày này, HAGL Agrico đã hoàn tất thương vụ nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Cao su Đông Dương") từ Công ty TNHH Đầu tư Cao su An Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cường Thịnh theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2015/AT.HNG ngày 22 tháng 12 năm 2015 và số 01/2015/CT.HNG ngày 25 tháng 12 năm 2015 với giá trị nhận chuyển nhượng lần lượt là 880 tỷ VNĐ và 770 tỷ VNĐ. Theo đó, HAGL Agrico sở hữu 100% tỷ lệ vốn góp trong Cao su Đông Dương từ ngày 22 tháng 2 năm 2016.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập



Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: **1103** /CV- HAGL
(Về giải trình biến động kết quả kinh doanh
trên BCTC tổng hợp Quý IV/2015)

Gia Lai, ngày 11 tháng 3 năm 2016

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (mã CK: HAG) giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV/2015 so với Quý IV/2014 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế Quý IV/2015: 39.769.764 ngàn đồng
- Lợi nhuận sau thuế Quý IV/2014: 18.535.479 ngàn đồng

Các biến động như sau:

1. Hoạt động kinh doanh

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: trong kỳ tăng 275 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014 (Quý IV/2014 là 314 tỷ đồng; Quý IV/2015 là 589 tỷ đồng). Biến động chủ yếu như sau:
 - + Doanh thu từ bán sản phẩm, hàng hóa tăng 254 tỷ đồng (Quý IV/2014: 109 tỷ đồng; Quý IV/2015: 363 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc cung cấp cho ngành Nông nghiệp của Tập đoàn tăng.
 - + Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng tăng 46 tỷ đồng (Quý IV/2014: 147 tỷ đồng; Quý IV/2015: 193 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu do trong kỳ Công ty triển khai các hợp đồng mới xây dựng chuồng trại cho các công ty chăn nuôi.
 - + Doanh thu từ bán căn hộ giảm 14 tỷ đồng (Quý IV/2014: 38 tỷ đồng; Quý IV/2015: 24 tỷ đồng). Chủ yếu do dự án Bầu Thạc Gián đã bán gần hết.
 - + Doanh thu cung cấp dịch vụ giảm 12 tỷ đồng (Quý IV/2014: 20 tỷ đồng; Quý IV/2015: 8 tỷ đồng).
- Tương ứng với sự biến động của doanh thu, giá vốn hàng bán trong kỳ tăng 211 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014 (Quý IV/2014 là 224 tỷ đồng; Quý IV/2015 là 435 tỷ đồng). Biến động chủ yếu như sau:
 - + Giá vốn sản phẩm, hàng hóa tăng 217 tỷ đồng (Quý IV/2014: 79 tỷ đồng; Quý IV/2015: 296 tỷ đồng).
 - + Giá vốn các hợp đồng xây dựng giảm 4 tỷ đồng (Quý IV/2014: 101 tỷ đồng; Quý IV/2015: 97 tỷ đồng).
 - + Giá vốn bán căn hộ giảm 11 tỷ đồng (Quý IV/2014: 30 tỷ đồng; Quý IV/2015: 19 tỷ đồng).
 - + Giá vốn cung cấp dịch vụ giảm 9 tỷ đồng (Quý IV/2014: 14 tỷ đồng; Quý IV/2015: 5 tỷ đồng).
 - + Giá vốn bất động sản đầu tư là 17 tỷ đồng. Khoản này không phát sinh trong cùng kỳ năm 2014.



2. Hoạt động tài chính

- Chi phí hoạt động tài chính: trong kỳ tăng 34 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014 (Quý IV/2014 là 306 tỷ đồng; Quý IV/2015 là 340 tỷ đồng). Biến động chủ yếu như sau:
 - + Chi phí lãi vay ngân hàng và trái phiếu tăng 20 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014 (Quý IV/2014: 312 tỷ đồng; Quý IV/2015: 332 tỷ đồng). Nguyên nhân do Công ty phát hành thêm trái phiếu mới và tăng vay ngân hàng.
 - + Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng 13 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2014 (Quý IV/2014: -5 tỷ đồng; Quý IV/2015: 8 tỷ đồng).

Các lĩnh vực khác của Công ty diễn ra bình thường, không có biến động lớn.

Trên đây là giải trình của Công ty về kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV/2015.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT



VÔ TRƯỜNG SƠN

